TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 1316/2025/DS-ST
Ngày 21-11-2025
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Ngọc.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Đức Quang;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Ngọc Phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lợi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định hoãn phiên tòa số 563/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Mỹ L, sinh năm 1996; Địa chỉ thường trú: Số S Lô H3, C/C phường K (trước là Phường S, Quận 4), Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Bà Vi Thị Ng, sinh năm 1995 (theo Giấy ủy quyền số công chứng 00003866, quyển số 01/2025TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 22/04/2025). (có Đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Ông Bảo T, sinh năm 1973; Địa chỉ thường trú: Số B Đường C, phường H (trước là Phường M, Quận 10), Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Bà Vi Thị Ng là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Bà Bùi Thị Mỹ L trình bày như sau:

- Do bạn bè giới thiệu nên Bà Bùi Thị Mỹ L có quen biết với ông Bảo T. Khi Ông T gặp khó khăn tiền bạc để làm ăn có nhờ bà L giúp cho vay tiền để xoay sở. Bà L đồng và có cho Ông T vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) theo các giấy mượn tiền ngày 04/07/2024, ngày 25/07/2024 và ngày 31/07/2024 do Ông T viết, lăn tay và đã ký xác nhận mượn tổng cộng số tiền là 200.000.000đ. Ông T cam kết sẽ thanh toán số tiền này hạn cuối ngày 30/8/2024.

- Tuy nhiên cho đến nay, đã hơn 07 tháng quá thời hạn trả tiền nhưng Ông T không trả bất cứ khoản tiền nào cho bà L; Và sau nhiều lần liên hệ thì Ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Nhận thấy, đã hơn 07 tháng kể từ ngày đến hạn trả nợ (ngày 30/8/2024), ông Bảo T vẫn không trả tiền vay cho bà L như đã cam kết. Nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bảo T có nghĩa vụ trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ là 221.666.666đ (Hai trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó: Tiền gốc là 200.000.000đ và Tiền lãi (tính từ ngày 01/9/2024 đến ngày 01/10/2025) là: 21.666.666đ = 200.000.000đ x 13 tháng x 10%/năm.

Ông Bảo T là bị đơn: Vắng mặt.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước khi nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh trụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Xét, theo Đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2025 của nguyên đơn Bà Bùi Thị Mỹ L cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định đây là tranh chấp về dân sự về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Xét, theo Kết quả xác minh của Công an phường H Thành phố H thì *"Đ/s Bảo T, sn: 28/02/1973, Số Căn cước: 079073047079 có đăng ký HKTT tại Số B, Đường C, phường H. Hiện đ/s không cư trú tại địa phương, đ/s Tuấn hiện đang*

cư ngụ tại: Số B Đường Tr, phường C, TP.H.”.Tuy nhiên, tại Kết quả xác minh của Công an phường C, Thành phố H thì *“...tại địa chỉ: Số B Đường Tr, phường C, Thành phố H không có ai tên Bảo T; sn: 1973 đăng ký thường trú, tạm trú và lưu trú tại địa chỉ trên…”*. Như vậy, có cơ sở xác định nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ của bị đơn, việc bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới được coi là cố tình giấu địa chỉ. Trong trường hợp này, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án nêu trên theo thủ tục chung và theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 xác định địa chỉ: ***Số B Đường C, phường H (trước là Phường M, Quận 10), Thành phố H*** là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn ông Bảo T. Căn cứ khoản 1 Điều 35 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025), điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự để nộp bản tự khai, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông Bảo T vắng mặt.

- Tại phiên tòa, ông Bảo T là bị đơn tiếp tục vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, Bà Vi Thị Ng là người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn Bà Bùi Thị Mỹ L có Đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì bị đơn ông Bảo T nhiều lần mượn tiền của nguyên đơn Bà Bùi Thị Mỹ L với tổng số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và có thỏa thuận trả tiền lãi mỗi ngày, cụ thể như sau:

- Ngày 04/7/2024 mượn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Thời hạn trả tiền (gồm 100.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi): Ngày 15/7/2024;

- Ngày 25/7/2024 mượn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Trả tiền lãi 2.000.000đ/ngày từ ngày 30/7/2024 cho đến ngày 24/8/2024; Trả tiền gốc: Ngày 24/8/2024;

- Ngày 31/7/2024 mượn 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng); Trả tiền lãi 2.000.000đ/ngày từ ngày 04/8/2024 cho đến ngày 30/8/2024; Trả tiền gốc: Ngày 30/8/2024.

[2.1.2] Xét, nội dung tại các Giấy mượn tiền ngày 04/7/2024, ngày 25/7/2024 và ngày 31/7/2024 phù hợp theo quy định tại Điều 117, 118, 119 Bộ luật Dân sự nên các Giấy mượn tiền nêu trên có giá trị pháp lý và làm phát sinh quyền lợi và nghĩa vụ của các bên.

[2.1.3] Thực hiện thỏa thuận, Ông T đã nhận đủ 50.000.000đ theo Giấy mượn tiền ngày 25/7/2024 và 50.000.000đ theo Giấy mượn tiền ngày 31/7/2024. Riêng Giấy mượn tiền ngày 04/7/2024 chỉ thể hiện Ông T có ký tên và lăn tay với tư cách là *"người vay"*, không thể hiện Ông T đã nhận đủ số tiền 100.000.000đ hay chưa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho Ông T biết về yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng Ông T đều vắng mặt, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến của mình, không phản đối các tài liệu chứng cứ mà phía bà L đưa ra. Do đó, căn cứ Giấy mượn tiền ngày 04/7/2024 do Ông T viết, ký tên và lăn tay có cơ sở xác định Ông T đã nhận đủ 100.000.000đ.

[2.1.4] Theo Giấy mượn tiền ngày 04/7/2024 thì ngày hết hạn là ngày 15/7/2024, Giấy mượn tiền ngày 25/7/2024 thì ngày hết hạn là ngày 24/8/2024, Giấy mượn tiền ngày 31/7/2024 thì ngày hết hạn là ngày 30/8/2024; Tuy nhiên cho đến nay Ông T đã không trả bất cứ khoản tiền nào (bao gồm tiền gốc và tiền lãi) cho bà L như đã cam kết tại các Giấy mượn tiền nêu trên. Căn cứ Điều 275, 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự thì yêu cầu của nguyên đơn Bà Bùi Thị Mỹ L buộc bị đơn ông Bảo T có nghĩa vụ trả tiền (gồm tiền gốc và tiền lãi) theo các Giấy mượn tiền ngày 04/7/2024, ngày 25/7/2024 và ngày 31/7/2024 là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.1.5] Xét việc nguyên đơn áp dụng mức lãi suất 10%/năm làm cơ sở để tính tiền lãi (tính từ ngày 01/9/2024 cho đến ngày 01/10/2025) là hoàn toàn có lợi cho phía bị đơn, phù hợp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tổng số tiền mà bị đơn ông Bảo T có nghĩa vụ trả nguyên đơn Bà Bùi Thị Mỹ L là 221.666.666đ (Hai trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó:

+ Tiền gốc là: 200.000.000đ.

+ Tiền lãi (tính từ ngày 01/9/2024 đến ngày 01/10/2025) là: 21.666.666đ = 200.000.000đ x 13 tháng x 10%/năm.

[2.1.6] Về thời hạn và phương thức trả nợ: Xét, số tiền mà Ông T đã mượn của bà L theo các Giấy mượn tiền ngày 04/7/2024, ngày 25/7/2024 và ngày

31/7/2024 đã quá thời hạn trả nợ nên cần thiết buộc Ông T có nghĩa vụ trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ là 221.666.666đ (Hai trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, 273, Điều 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

- Căn cứ Điều 5, Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 hướng dẫn một số quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

- Căn cứ Điều 117, 118, 119, 275, 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Bảo T có nghĩa vụ trả cho Bà Bùi Thị Mỹ L tổng số tiền còn nợ là 221.666.666đ (Hai trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu

đồng); Trong đó: Tiền gốc là 200.000.000đ, Tiền lãi (tính từ ngày 01/9/2024 đến ngày 01/10/2025) là 21.666.666đ. Trả một lần số tiền 221.666.666đ (Hai trăm hai mươi mốt triệu, sáu trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 02/10/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông Bảo T còn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất là 10%/năm.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Bảo T phải chịu số tiền là 11.083.333đ (Mười một triệu, không trăm tám mươi ba ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng). Hoàn lại cho Bà Bùi Thị Mỹ L 5.291.666đ (Năm triệu, hai trăm chín mươi mốt ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0075959 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về quyền kháng cáo: Đối với đương sự có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND KV4, Tp.HCM
- Phòng THADS KV4, Tp.HCM. (trước là Chi cục THADS Q.10, Tp.HCM);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Ngọc